



BẢNG TUẦN HOÀN HÓA HỌC

1, Sắp xếp hoàn chỉnh lại bảng tuần hoàn đã bị đảo lộn

Periodic

25 Mn	26 Fe	27 Co	28 Ni	29 Cu	30 Zn
43 Tc	44 Ru	45 Rh	46 Pd	47 Ag	48 Cd
75 Re	76 Os	77 Ir	78 Pt	79 Au	80 Hg
107 Bh	108 Hs	109 Mt	110 Ds	111 Rg	112 Cn

Table

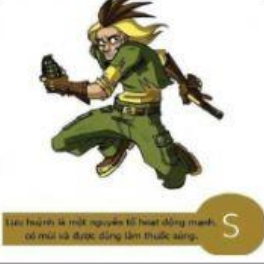
5 B	6 C	7 N	8 O	9 F	2 He
107 Bh	108 Hs	109 Mt	110 Ds	111 Rg	112 Cn

The P

1 H	3 Li	4 Be
11 Na	12 Mg	13 Al
19 K	20 Ca	21 Sc
27 Co	28 Ni	29 Cu
35 Br	36 Kr	37 Rb
43 Tc	44 Ru	45 Rh
51 Sb	52 Te	53 I
59 Pr	60 Nd	61 Pm
67 Ho	68 Er	69 Tm
75 Re	76 Os	77 Ir
83 Bi	84 Po	85 At
91 Ac	92 Th	93 Pa
99 Es	100 Fm	101 Md
107 Bh	108 Hs	109 Mt
115 Nh	116 Lv	117 Ts
113 Nh	114 Fl	115 Mc
111 Rg	112 Cn	113 Nh
110 Ds	111 Rg	112 Cn
109 Mt	110 Ds	111 Rg
108 Hs	109 Mt	110 Ds
107 Bh	108 Hs	109 Mt
106 Db	107 Bh	108 Hs
105 Nh	106 Db	107 Bh
104 Rf	105 Nh	106 Db
103 Lr	104 Rf	105 Nh
102 No	103 Lr	104 Rf
101 Md	102 No	103 Lr
100 Fm	101 Md	102 No
99 Es	100 Fm	101 Md
98 Cf	99 Es	100 Fm
97 Bk	98 Cf	99 Es
96 Cm	97 Bk	98 Cf
95 Am	96 Cm	97 Bk
94 Pu	95 Am	96 Cm
93 Np	94 Pu	95 Am
92 U	93 Np	94 Pu
91 Ac	92 U	93 Np
90 Th	91 Ac	92 U
89 La	90 Th	91 Ac
88 Sr	89 La	90 Th
87 Rb	88 Sr	89 La
86 Kr	87 Rb	88 Sr
85 At	86 Kr	87 Rb
84 Po	85 At	86 Kr
83 Bi	84 Po	85 At
82 Pb	83 Bi	84 Po
81 Tl	82 Pb	83 Bi
80 Hg	81 Tl	82 Pb
79 Au	80 Hg	81 Tl
78 Pt	79 Au	80 Hg
77 Ir	78 Pt	79 Au
76 Os	77 Ir	78 Pt
75 Re	76 Os	77 Ir
74 W	75 Re	76 Os
73 Ta	74 W	75 Re
72 Hf	73 Ta	74 W
71 Y	72 Hf	73 Ta
70 Zr	71 Y	72 Hf
69 Tm	70 Zr	71 Y
68 Er	69 Tm	70 Zr
67 Ho	68 Er	69 Tm
66 Dy	67 Ho	68 Er
65 Tb	66 Dy	67 Ho
64 Gd	65 Tb	66 Dy
63 Eu	64 Gd	65 Tb
62 Sm	63 Eu	64 Gd
61 Pm	62 Sm	63 Eu
60 Nd	61 Pm	62 Sm
59 Pr	60 Nd	61 Pm
58 Ce	59 Pr	60 Nd
57 La	58 Ce	59 Pr
56 Ba	57 La	58 Ce
55 Cs	56 Ba	57 La
54 Xe	55 Cs	56 Ba
53 I	54 Xe	55 Cs
52 Te	53 I	54 Xe
51 Sb	52 Te	53 I
50 Sn	51 Sb	52 Te
49 In	50 Sn	51 Sb
48 Cd	49 In	50 Sn
47 Ag	48 Cd	49 In
46 Pd	47 Ag	48 Cd
45 Rh	46 Pd	47 Ag
44 Ru	45 Rh	46 Pd
43 Tc	44 Ru	45 Rh
42 Mo	43 Tc	44 Ru
41 Nb	42 Mo	43 Tc
40 Zr	41 Nb	42 Mo
39 Y	40 Zr	41 Nb
38 Sr	39 Y	40 Zr
37 Rb	38 Sr	39 Y
36 Kr	37 Rb	38 Sr
35 Br	36 Kr	37 Rb
34 Se	35 Br	36 Kr
33 As	34 Se	35 Br
32 Ge	33 As	34 Se
31 Ga	32 Ge	33 As
30 Zn	31 Ga	32 Ge
29 Cu	30 Zn	31 Ga
28 Ni	29 Cu	30 Zn
27 Co	28 Ni	29 Cu
26 Fe	27 Co	28 Ni
25 Mn	26 Fe	27 Co
24 Cr	25 Mn	26 Fe
23 V	24 Cr	25 Mn
22 Ti	23 V	24 Cr
21 Sc	22 Ti	23 V
20 Ca	21 Sc	22 Ti
19 K	20 Ca	21 Sc
18 Ar	19 K	20 Ca
17 Cl	18 Ar	19 K
16 S	17 Cl	18 Ar
15 P	16 S	17 Cl
14 Si	15 P	16 S
13 Al	14 Si	15 P
12 Mg	13 Al	14 Si
11 Na	12 Mg	13 Al
10 Ne	11 Na	12 Mg
9 F	10 Ne	11 Na
8 O	9 F	10 Ne
7 N	8 O	9 F
6 C	7 N	8 O
5 B	6 C	7 N
4 He	5 B	6 C
3 Li	4 He	5 B
2 H	3 Li	4 He
1 H	2 H	3 Li



2, Xác định vị trí trong bảng tuần hoàn của các nguyên tố sau:

			
STT Ô			
Loại nguyên tố			
Chu kì			
Nhóm			

3, Sắp xếp lại các dãy sau theo thứ tự tăng dần

+ **Tính kim loại:**

K

Li

Na

>

>

+ **Tính phi kim:**

F

N

O

>

>

+ **Độ âm điện:**

Cl

Mg

P

>

>